

EVERYDAY ENGLISH FROM AUSTRALIA – Series 2 TIẾNG ANH THÔNG DỤNG Ở AUSTRALIA – Loạt 2

Bài 14: describing people (mô tả người)

Part 1 - THE DIALOGUE (đối thoại)

Chị Cindy làm cho Công ty dịch vụ mai mối. Công việc chính của chị là tìm người để xe duyên. Các bạn sẽ nghe chị Cindy tả một số khách hàng của chị.

Dialogue 1:

CINDY: Grant's a lively person, who never seems to stop talking. He's short and solid with blue eyes and a mop of grey hair. He's considerate and gentle, with a good sense of humour. He's very active physically, and loves all kinds of sport. I'd say he has a positive attitude towards life and people.

Dialogue 2:

CINDY: Michelle's a likeable woman, who cares about other people. She's quiet and shy and not much of a conversationalist. She prefers reading to sport. She's tall and thin. She's fair skinned and very pretty with long, straight, blonde hair and green eyes.

Dialogue 3:

CINDY: Sonia's very short and slim, with dark curly hair. She's olive-skinned and she has big brown eyes. She's a fun-loving and very outgoing person, who enjoys parties. She's also a keen sportsperson.

Part 2 - VOCABULARY (từ vựng)

an attitude

thái độ

['ætətʃud]

a blonde ['blɒnd]	người tóc vàng hoe, bạch kim
a complexion [kəm'plekʃən]	nước da
a conversationalist [kɒnvə'seɪʃənəlɪst]	người vui chuyện
a dating agency ['deɪtɪŋ eɪdʒənsi]	công ty dịch vụ mai mối
a mop of grey hair ['mɒp ɒv greɪ heə]	tóc điểm hoa râm
a sense of humour [sɛns əv 'hju:mə]	có tính hài hước
a sportsperson ['spɔ:tspɜ:sn]	nhà thể thao
active ['æktɪv]	nhanh nhẹn, lanh lợi
considerative [kən'sɪdərət]	ý tứ, chu đáo
fun-loving ['fʌn lʌvɪŋ]	thích vui chơi
gentle ['dʒəntəl]	hiền lành
likeable ['laɪkəbəl]	dễ thương, đáng yêu
lively ['laɪvli]	vui vẻ, hoạt bát

olive-skinned

[ɒlɪv 'skɪnd]

da màu ngăm ngăm**outgoing**

[aʊt 'ɡoʊɪn]

thích giao thiệp**pale**

['peɪl]

nhợt nhạt, tái, trắng trẻo**romantic**

[rəʊ'mæntɪk]

lãng mạn**solid**

['sɒlɪd]

rắn chắc, chắc nịch**Part 3 – LESSON: describing people** (mô tả người)*Khi tả người, chúng ta cần nói rõ về...*

- *hình dáng, thể chất:*

He's short and solid with blue eyes and a mop of grey hair.**Anh ấy thấp và rắn chắc. Tóc anh ấy điểm hoa râm.**

- *tính tình:*

He's considerate and gentle.**Anh ấy là một con người có ý tứ và hiền lành.**

- *thái độ:*

He has a positive attitude towards life and people.**Anh ấy có một thái độ tích cực trong cuộc sống cũng như đối với con người.**

- *sở thích:*

He likes all kinds of sport.**Anh ấy thích tất cả các môn thể thao.**

Sau đây là các mẫu câu cơ bản khi tả người:

- **She/He's** + adjective noun
- **She/He has** + adjective + noun
- **She/He likes** + noun

Thí dụ:

She/He's tall, slim, outgoing, quiet, a romantic

She/He has blue eyes, grey hair, a positive attitude

She/He likes dancing, sport

Một cấu trúc thông dụng khác thường được dùng để tả người là dùng mệnh đề tính từ. Mệnh đề này có chức năng như một tính từ và bắt đầu bằng đại từ quan hệ '**who**'. Thí dụ:

Grant's a lively person , who never seems to stop talking.

Xin lưu ý các bạn đại từ quan hệ '**WHO**' chính là chủ ngữ của mệnh đề tính từ.

Part 4 - PRONUNCIATION (phát âm)

Khi nói một câu trong đó có sử dụng đại từ quan hệ, chúng ta thường lên giọng ở phần cuối của mệnh đề chính và xuống giọng ở phần cuối của mệnh đề quan hệ. Thí dụ:

Grant's a lively person, who never seems to stop talking.

Bạn hãy luyện nói các câu sau đây:

She's a likeable woman[↗], who cares about other people_↘.

She's a fun-loving person[↗], who enjoy parties_↘.

He's a man[↗] who likes women_↘.

Part 5 - PRACTICE (luyện tập)

Đề nghị các bạn sắp xếp các từ sau đây theo bốn cột: hình dáng, thái độ, tính tình và sở thích:

Serious, good-looking, independent, quiet, friendly, long dark hair, romantic, red hair, reading, movies, talkative, tall, fat, old-fashioned, outgoing, slim, the life of the party, blue eyes, dancing.

Part 6 – THE SERIAL (chuyện đọc từng kỳ)**Vocabulary:****a gun**

['gʌn]

khẩu súng**to shoot**

['ʃu:t]

bắn

Episode 14:

I knocked gently on Diana's bedroom door, and told her that the police were coming to see her. A few minutes later she joined Judy and me in the sitting room. She was still half asleep.

'What is it?' she asked. 'Is it Henry Cotton... Is it my father?'

'I don't know,' I said. 'I expect so.' While we were waiting for the police, Mandy arrived home looking happy and excited. She could see straight away that something had happened, and we told her that the police were coming.

'Did you have a good time?' I asked her. I could see that she had.

'Mmm... lovely,' Mandy replied. 'Ben took me out to dinner'.

Ah-ha! I thought so! Ben Morris! 'I suppose you know Ben Morris,' I said to Diana. She looked confused for a moment.

'Who? Ben? Oh yes, of course.'

The doorbell rang, and it was Detective Baker. He was a huge man, tall and strong but his manner was gentle and kind. I introduced Diana and Judy, and Mandy and I started to leave the room.

'I'd like you to stay, please,' the detective said to us. 'I'm afraid we have some very bad news. Henry Cotton is dead. He was found in his car on a country road outside Melbourne, and we believe he killed himself.'

'How?' I asked.

'He shot himself. There was a gun beside the... er... body.'

'When did it happen?'

'We don't know that yet, but we believe it was about two weeks ago.'

I didn't say anything, but I thought that Cotton must have been already dead when the man came to the hotel with the letter. Diana was pale but very calm. She didn't speak. But I said, 'I don't believe it!'

'I'm afraid it's true.' said the detective. So... Henry Cotton was dead. I believed that. But I did not believe that he had killed himself.

END OF LESSON 14**COPYRIGHT NOTICE:**

'Everyday English From Australia' lessons were funded by AusAID (the Australian Government's aid agency) and produced by Radio Australia Vietnamese Service in co-operation with Voice of Vietnam. Script advice was provided by the English Language Centre, Victoria University (Melbourne).

'Everyday English From Australia' lessons form part of English learning content of BayVut website (www.bayvut.com) – a service provided by Radio Australia.